

Số: 43 /TB-UBND

Nhất Hoà, ngày 01 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO

**Niêm yết công khai danh sách các hộ chăn nuôi có lợn phải tiêu huỷ do
mắc bệnh Dịch tả lợn Châu phi trên địa bàn xã Nhất Hoà**

Căn cứ Nghị định số 116/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về việc quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật;

Căn cứ phiếu lấy mẫu xét nghiệm vi rút Dịch tả lợn Châu phi số 7766/CDXN1 ngày 04/8/2025 của Trung tâm Trần Đắc và xét nghiệm thú y Trung ương I.

Căn cứ hồ sơ tiêu huỷ lợn do mắc bệnh Dịch tả lợn Châu phi của Các thôn.

Ủy ban nhân dân xã Nhất Hoà thông báo niêm yết danh sách các hộ chăn nuôi có lợn phải tiêu huỷ do bệnh Dịch tả lợn Châu phi như sau.

Địa điểm niêm yết: Tại nhà văn hóa các thôn Bản Đắc, Gia Hoà 2, Làng Chu, Tiên Hậu, Ghia Hoà 1, Mỹ Hoà, Nà Niệc, Làng Đồng, Thái Bằng 1, Phong Thịnh, Pá Lét, Tân Vũ và thôn Nà Gổ, xã Nhất Hoà.

Thời gian niêm yết: 15 ngày, kể từ ngày 02/12/2025 đến hết ngày 17/12/2025. (Có danh sách kèm theo)

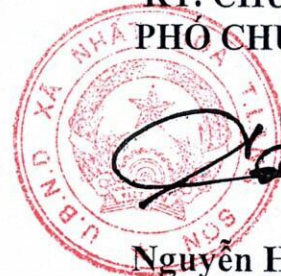
Trong thời gian niêm yết, đề nghị các hộ gia đình, cộng đồng thôn theo dõi nếu có ý kiến phản ánh, kiến nghị đề nghị báo ban công tác mặt trận thôn và gửi bằng văn bản về UBND xã để xem xét giải quyết theo quy định.

Trên đây là thông báo của UBND xã Nhất Hoà về việc niêm yết công khai danh sách các hộ gia đình chăn nuôi có lợn phải tiêu huỷ do mắc bệnh Dịch tả lợn Châu phi trên địa bàn xã Nhất Hoà năm 2025./.

Nơi nhận:

- TT ĐU, TT HĐND xã;
- CT, Các PCT UBND xã;
- Trưởng phòng Kinh tế xã;
- Trườn các thôn có dịch;
- Các hộ chăn nuôi có lợn phải tiêu huỷ;
- Lưu: VT. PKT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Đạt

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÁC HỘ CHĂN NUÔI CỎ LÒN PHẢI TIÊU HUY DO BỆNH DỊCH TẢ LÒN
CHẤU PHI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NHẤT HOÀ NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số .../TFB-UBND ngày/12/2025)

STT	Họ và Tên	Địa chỉ thôn	Lợn thịt, lợn con		Lợn đực, lợn nái		Tổng số lợn tiêu hủy (con)	Tổng số (kg)	Tổng số tiền
			Số con	Trọng lượng (kg)	Số con	Trọng lượng (kg)			
1	Lao Văn minh	Nà Gổ	8	221			8	221	8,840.000
2	Hà Văn Kiểm	Nà Gổ			1	163	1	163	6,520.000
3	Dương Tuấn Quang	Tân Vũ			1	175	1	175	7,000.000
4	Hoàng Thị Loan	Tân Vũ			1	85	1	85	3,400.000
5	Dương Văn Tuyến	Pá Lét			1	110	1	110	4,400.000
6	Nguyễn Văn Tiến	Pá Lét	2	52			2	52	2,080.000
7	Nguyễn Thị Đành	Pá Lét	3	132			3	132	5,280.000
8	Dương Văn Tuyến	Pá Lét	2	68			2	68	2,720.000
9	Tô Viết Uyên	Pá Lét	4	147			4	147	5,880.000
10	Dương Công Học	Pá Lét	9	52			9	52	2,080.000
11	Dương Văn Sơn	Pá Lét			1	147	1	147	5,880.000
12	Dương Công Học	Pá Lét			1	64	1	64	2,560.000
13	Dương Công Thuận	Mỹ Hoà	2	186			2	186	7,440.000
14	Dương Hữu Chất	Gia Hoà 1	11	667			11	667	26,680.000
15	Lường Thị Nhung	Gia Hoà 1	8	170	1	203	9	373	14,920.000
16	Dương Văn Sài	Gia Hoà 1	1	79			1	79	3,160.000
17	Hoàng Đình Siển	Gia Hoà 1	7	232			7	232	9,280.000
18	Vi Văn Tám	Bản Đắc	3	131			3	131	5,240.000

19	Vi Văn Bảy	Bản Đắc	6	144			6	144	5,760.000
20	Dương Thanh Nhuyễn	Bản Đắc	3	138			3	138	5,520.000
21	Hoàng Doãn Thắng	Bản Đắc	5	222			5	222	8,880.000
22	Dương Thanh Chuẩn	Bản Đắc	4	205			4	205	8,200.000
23	Hoàng Văn Chúc	Bản Đắc	4	259			4	259	10,360.000
24	Dương Thần Cường	Bản Đắc	2	108			2	108	4,320.000
25	Hoàng Thọ Cường	Bản Đắc	7	38	1	160	8	198	7,920.000
26	Dương Thời Hậu	Phong Thịnh	14	436			14	436	17,440.000
27	Hoàng Duy Sơn	Phong Thịnh	5	175			5	175	7,000.000
28	Triệu Hữu Tiến	Nà Niệc	4	239			4	239	9,560.000
29	Triệu Thị Tiên	Nà Niệc	1	50	1	84	2	134	5,360.000
30	Bàn Đức Sinh	Nà Niệc			2	260	2	260	10,400.000
31	Hầu Văn Sỹ	Tiến Hậu	5	411			5	411	16,440.000
32	Lý Văn Dính	Tiến Hậu	15	164	1	219	16	383	15,320.000
33	Phù Văn Lanh	Tiến Hậu			1	119	1	119	4,760.000
34	Lý Văn Dế	Tiến Hậu			1	105	1	105	4,200.000
35	Mã Văn Lý	Tiến Hậu	6	401			6	401	16,040.000
36	Dương Trung Hình	Làng Đồng	8	135			8	135	5,400.000
37	Hà Văn Kiêu	Thái Bàng 1	10	135			10	135	5,400.000
38	Long Văn Diện	Thái Bàng 1	12	290			12	290	11,600.000
39	Vi Văn Hiên	Thái Bàng 1	1	42			1	42	1,680.000
40	Long Xuân Kính	Thái Bàng 1	8	200			8	200	8,000.000
41	Vi Văn Hành	Thái Bàng 1			1	126	1	126	5,040.000
42	Lý Văn Lả	Làng Chu	10	140	1	139	11	279	11,160.000
43	Nguyễn Thị Lý	Làng Chu			1	157	1	157	6,280.000

44	Dương Văn Roa	Làng Chu	15	335	1	122	16	457	18,280.000
45	Dương Văn Nghiệp	Làng Chu			1	70	1	70	2,800.000
46	Dương Trọng Sang	Làng Chu	12	352			12	352	14,080.000
47	Dương Văn Luận	Làng Chu	9	205			9	205	8,200.000
48	Hoàng Văn Lãng	Làng Chu	1	24			1	24	960.000
	Dương Công Quyền	Gia Hoà 2	1	99			1	95	3,610.000
			228	7,084	19	2,508	247	9,588	383,330.000

